**BẢNG 6.1: BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG XÂY DỰNG**

- Tên dự án: ………………………………………………………………

- Tên công trình: …………………………………………………………

- Hạng mục công trình: …………………………………………………..

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MÃ HIỆU CÔNG TÁC** | **DANH MỤC CÔNG TÁC XÂY DỰNG** | **ĐƠN VỊ TÍNH** | **CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH** | **KHỐI LƯỢNG** | **GHI CHÚ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người thực hiện** | **Người chủ trì** |
|  | *Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng*  *Số…*  *Lĩnh vực hành nghề: Định giá xây dựng*  *Hạng…* |

**Ghi chú:**

- Danh mục công tác xây dựng ở cột (3) có thể giữ nguyên như kết cấu ở Bảng chi tiết khối lượng công tác xây dựng hoặc có thể sắp xếp lại tùy theo mục đích sử dụng.

- Cách thức xác định ở cột (5) ghi rõ cách thức để xác định khối lượng như: theo số liệu từ “Bảng chi tiết khối lượng công tác xây dựng”, “Tạm tính” hay “Thống kê từ thiết kế”, “Xác định theo phần mềm thiết kế, phần mềm chuyên dụng”...

- Khối lượng ghi ở cột (6) là khối lượng toàn bộ ứng với tên công việc đã đo bóc sau khi đã được làm tròn các trị số. Khối lượng này được tổng hợp từ Bảng chi tiết khối lượng công tác xây dựng hoặc thống kê từ bản vẽ thiết kế hoặc theo khối lượng được xác định bằng phần mềm đo bóc khối lượng.

- Cột (7) dành cho các ghi chú làm rõ hơn về các đặc điểm, mô tả khoản mục công tác cần lưu ý khi áp giá, xác định chi phí…